

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 34

TRÁCH
KIỂM
TÀI CHÍNH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty CP 28.1 (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Trường Sơn	Chủ tịch (bỏ nhiệm ngày 14/10/2020)
Ông Nguyễn Quyết Thắng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 14/10/2020)
Ông Nguyễn Quyết Thắng	Phó Chủ tịch (bỏ nhiệm ngày 14/10/2020)
Ông Nguyễn Thanh Huyền	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 14/10/2020)
Ông Nguyễn Văn Tài	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 30/05/2020)
Ông Huỳnh Thanh Điền	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 14/10/2020)
Ông Nguyễn Vĩnh Long	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30/05/2020, bổ nhiệm ngày 14/10/2020)
Bà Nguyễn Thị Hồng Trang	Thành viên (miễn nhiệm ngày 14/10/2020)
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Thành viên (miễn nhiệm ngày 14/10/2020, bổ nhiệm ngày 30/05/2020)
Ông Nguyễn Hữu Phước	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30/05/2020)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Vĩnh Long	Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 18/08/2020)
Ông Nguyễn Thanh Huyền	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 18/08/2020)
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Hữu Phước	Trưởng ban (bỏ nhiệm ngày 30/05/2020)
Ông Lữ Công Thịnh	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 30/05/2020)
Ông Nguyễn Thanh Định	Thành viên
Bà Trần Thị Mỹ	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 30/05/2020)
Ông Lê Văn Thanh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30/05/2020)

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01/09/2020 và cho đến thời điểm lập báo cáo là Ông Nguyễn Vĩnh Long – Giám đốc.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/08/2020 là Ông Nguyễn Thanh Huyền – Giám đốc.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

2020
CH
TP. L
C
H N
T
VI
INH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho,

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1



Nguyễn Vĩnh Long

Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 03 năm 2021

Số: 21003 /TC-VAE-HCM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty CP 28.1

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty CP 28.1 (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 01 tháng 03 năm 2021, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 tháng 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Cho đến ngày phát hành báo cáo này, chúng tôi đã không thể thu thập được các thư xác nhận của các bên thứ ba liên quan đến số dư của khoản mục phải trả người bán ngắn hạn với giá trị 10.605.202.205 VND. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế nhưng các thủ tục này cũng không đem lại cho chúng tôi đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến tính đầy đủ, tính có thật và tính chính xác của các khoản mục này.

Như đã trình bày tại thuyết minh số V.4., thời điểm 31 tháng 12 năm 2020, Công ty chưa đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho tồn đọng lâu ngày với giá gốc là 1.026.341.274 VND để xem xét trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá giá trị dự phòng cần phải trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số dư khoản mục dự phòng cho giá trị hàng tồn kho nêu trên hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ.

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP 28.1 tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty CP 28.1 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 09 tháng 03 năm 2020.



Huỳnh Văn Dũng

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0047-2018-034-1

Âu Dương Uyên Phần

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1347-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho,

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (VAE)

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		69.487.390.806	83.008.266.516
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	6.224.763.750	2.666.338.252
1. Tiền	111		6.224.763.750	2.666.338.252
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.037.655.327	25.735.536.014
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	13.388.899.275	24.712.452.311
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		233.095.436	677.221.186
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3.a	415.660.616	345.862.517
IV. Hàng tồn kho	140	V.4.	46.681.400.889	51.589.607.754
1. Hàng tồn kho	141		46.681.400.889	51.589.607.754
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.543.570.840	3.016.784.496
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6.a	112.696.505	189.603.567
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.430.874.335	2.827.180.929
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		26.635.960.184	32.685.832.316
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		40.000.000	40.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.3.b	40.000.000	40.000.000
II. Tài sản cố định	220		24.699.285.901	31.104.634.450
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5.	24.699.285.901	31.104.634.450
- Nguyên giá	222		90.525.788.605	90.345.124.605
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(65.826.502.704)	(59.240.490.155)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.896.674.283	1.541.197.866
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6.b	1.896.674.283	1.541.197.866
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		96.123.350.990	115.694.098.832

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		55.422.470.954	59.015.528.195
I. Nợ ngắn hạn	310		55.322.470.954	58.915.528.195
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.7.	16.762.502.977	21.943.012.874
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.8.	13.355.532.534	159.369.048
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9.	6.993.932	27.069.685
4. Phải trả người lao động	314		6.449.354.654	13.066.241.008
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10.	63.400.000	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11.a	1.661.694.911	1.067.171.890
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12.	15.382.945.936	21.257.342.519
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.640.046.010	1.395.321.171
II. Nợ dài hạn	330		100.000.000	100.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.11.b	100.000.000	100.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		40.700.880.036	56.678.570.637
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13.	40.700.880.036	56.678.570.637
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		48.633.860.000	48.633.860.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		48.633.860.000	48.633.860.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.135.257.619	1.135.257.619
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(9.068.237.583)	6.909.453.018
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		209.684.979	425.025.603
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(9.277.922.562)	6.484.427.415
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		96.123.350.990	115.694.098.832

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Kế toán trưởng



Lê Mai Dung

Giám đốc



 Nguyễn Vĩnh Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	144.558.355.868	346.501.606.711
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	261.188.642	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		144.297.167.226	346.501.606.711
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3.	130.875.789.304	316.186.071.371
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		13.421.377.922	30.315.535.340
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4.	768.525.707	2.025.188.054
7. Chi phí tài chính	22	VI.5.	883.394.623	1.937.302.932
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		690.799.343	1.037.274.292
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8.	2.924.130.903	1.365.175.434
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8.	19.643.773.170	22.294.084.881
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(9.261.395.067)	6.744.160.147
11. Thu nhập khác	31	VI.6.	2.006.333.492	2.273.328.038
12. Chi phí khác	32	VI.7.	2.022.860.987	11.338.998
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(16.527.495)	2.261.989.040
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(9.277.922.562)	9.006.149.187
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10.	-	1.801.229.837
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(9.277.922.562)	7.204.919.350
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11.	-	1.156

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Kế toán trưởng

Giám đốc




Lê Mai Dung

Nguyễn Vĩnh Long

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(9.277.922.562)	9.006.149.187
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.5.	6.586.012.549	6.770.029.254
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4.	(8.935.417)	(86.520.043)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.260.304)	(109.537.933)
- Chi phí lãi vay	06		690.799.343	1.037.274.292
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(2.012.306.391)	16.617.394.757
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		12.082.205.089	3.828.357.504
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.908.206.865	25.306.778.238
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		2.069.545.098	(7.748.971.996)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(278.569.355)	(1.730.801.433)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(690.799.343)	(1.037.274.292)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(14.501.095)	(2.561.799.905)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(618.980.000)	(1.476.345.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		15.444.800.868	31.197.337.873
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(180.664.000)	(5.321.223.400)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	107.909.091
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.260.304	4.438.655
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(178.403.696)	(5.208.875.654)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		32.012.955.006	59.021.580.448
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(37.876.543.211)	(79.312.250.109)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.836.063.200)	(6.808.740.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(11.699.651.405)	(27.099.410.061)

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Năm 2020

(tiếp theo)

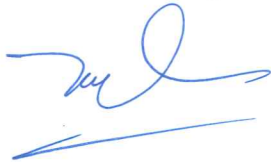
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		3.566.745.767	(1.110.947.842)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.666.338.252	3.765.424.144
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(8.320.269)	11.861.950
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.1.	6.224.763.750	2.666.338.252

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Kế toán trưởng



Lê Mai Dung

Giám đốc



Nguyễn Vĩnh Long

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần 28.1 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Nhà nước Công ty TNHH MTV 28.1 theo Quyết định số 2103/QĐ-BQP ngày 04 tháng 06 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0304484232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01 tháng 08 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 26 tháng 08 năm 2020.

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ năm, mã số doanh nghiệp 0304484232 ngày 26 tháng 08 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì vốn điều lệ của Công ty: **48.633.860.000 VND** (Bốn mươi tám tỷ sáu trăm ba mươi ba triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng) tương đương **4.863.386 cổ phần**, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 1056/QĐ-SGDHN ngày 28/12/2017, với mã chứng khoán là AG1 và ngày 10/01/2018 là ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty trên thị trường Upcom.

Trụ sở Công ty tại: Số 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. HCM

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và thương mại sản phẩm may mặc.

3. Ngành nghề kinh doanh

- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)

Chi tiết: Sản xuất hàng may mặc (trừ tủy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan)

- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép

Chi tiết: Mua bán hàng may mặc

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu

Chi tiết: Mua bán nguyên phụ liệu ngành may

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ hoạt động có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Do ảnh hưởng toàn cầu về sự bùng phát và lây lan của đại dịch do virus corona ("Covid 19") đã và đang tác động đến nền kinh tế thế giới và đặc biệt tại Việt Nam có quy định cách ly xã hội từ ngày 01/04/2020 đến ngày 22/04/2020 theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/03/2020 của Thủ tướng Chính phủ, giao thương quốc tế bị hạn chế, các khách hàng nước ngoài tạm dừng nhận hàng. Công ty chưa xác nhận cụ thể thời hạn giao hàng cho đối tác. Theo đó, doanh thu bán hàng năm 2020 bị sụt giảm mạnh, ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận trong kỳ và giá trị hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2020.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**1. Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Quân đội tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Quân đội tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Trong đó:

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Quân đội tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Quân đội tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty chưa đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho để xem xét trích lập dự phòng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ**Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm>
- Nhà cửa vật kiến trúc	15 - 25
- Máy móc thiết bị	05 - 08
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 08
- Tài sản cố định hữu hình khác	02 - 03

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, và chi phí trả trước ngắn hạn khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

8. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Quân Đội tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các chứng từ ngân hàng, các kế ước và hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty đã đánh giá lại số dư các khoản vay có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Quân Đội tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là chi phí dịch vụ thuê ngoài, thù lao năm 2020 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo và các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa ghi nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được phản ánh là dự phòng phải trả.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty là doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm và doanh thu cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hóa là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi và lãi chênh lệch tỷ giá.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, gồm chi phí lãi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá và chi phí tài chính khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**Các nghĩa vụ về thuế****Thuế giá trị gia tăng (GTGT)**

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 0% đối với các lô hàng xuất khẩu, 10% đối với các lô hàng hàng khác và hoạt động dịch vụ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền		
<i>Tiền mặt</i>	135.327	261.589.118
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	6.224.628.423	2.404.749.134
Tiền gửi VND	348.380.806	388.129.716
<i>Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Bắc Sài Gòn</i>	348.380.806	388.129.716
Tiền gửi USD	5.876.247.617	2.016.619.418
<i>Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Bắc Sài Gòn</i>	5.876.247.617	2.016.619.418
Cộng	6.224.763.750	2.666.338.252

2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Công ty CP Thời trang Kowil VN S	1.919.601.750	-	-	-
Công ty TNHH DV TM Travalì	1.839.300.500	-	-	-
APG & Co., Pty Ltd	1.553.455.049	-	33.236.543	-
Công ty TNHH TM và DV Ngân Hà	1.541.078.000	-	-	-
Công ty CP Thời trang Kowil Việt Nam	1.397.632.500	-	-	-
Itochu Prominent Usa Llc	-	-	12.803.762.596	-
Prominent (Europe) Ltd.	-	-	2.202.569.845	-
Itochu Corporation	-	-	6.308.151.591	-
Levertex Company Ltd.	3.371.608.302	-	1.249.907.719	-
Các đối tượng khác	1.766.223.174	-	2.114.824.017	-
Cộng	13.388.899.275	-	24.712.452.311	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Phải thu khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	415.660.616	-	345.862.517	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	5.256.320	-	4.960.811	-
Phải thu Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	409.658.077	-	331.098.695	-
Phải thu khác	746.219	-	9.803.011	-
b) Dài hạn	40.000.000	-	40.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	40.000.000	-	40.000.000	-
Cộng	455.660.616	-	385.862.517	-

c) **Phải thu khác là các bên liên quan:**
Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

4. Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	597.335.139	-
Nguyên liệu, vật liệu	10.036.118.933	-	31.978.191.181	-
Công cụ, dụng cụ	9.830.144	-	97.508.838	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.446.831.770	-	2.726.023.735	-
Thành phẩm	33.949.015.042	-	16.190.548.861	-
Hàng hoá	239.605.000	-	-	-
Cộng	46.681.400.889	-	51.589.607.754	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, hàng tồn kho với giá trị là 46.431.965.745 VND đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 51.589.607.754 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, giá trị hàng tồn kho tồn đọng lâu ngày là 1.026.341.274 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
Số dư ngày 01/01/2020	26.257.141.171	59.190.591.165	1.578.583.890	340.536.200	2.978.272.179	90.345.124.605	
Phân loại lại khoản mục	-	(425.000.000)	425.000.000	-	-	-	
Mua trong năm	-	-	180.664.000	-	-	180.664.000	
Số dư ngày 31/12/2020	26.257.141.171	58.765.591.165	2.184.247.890	340.536.200	2.978.272.179	90.525.788.605	
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư ngày 01/01/2020	17.497.635.313	37.548.538.101	1.280.965.503	340.536.200	2.572.815.038	59.240.490.155	
Khấu hao trong năm	672.603.516	5.607.864.868	141.198.116	-	164.346.049	6.586.012.549	
Số dư ngày 31/12/2020	18.170.238.829	43.156.402.969	1.422.163.619	340.536.200	2.737.161.087	65.826.502.704	
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2020	8.759.505.858	21.642.053.064	297.618.387	-	405.457.141	31.104.634.450	
Tại ngày 31/12/2020	8.086.902.342	15.609.188.196	762.084.271	-	241.111.092	24.699.285.901	

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình bao gồm các TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 16.445.339.443 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019):
10.494.313.611 VND)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. Chi phí trả trước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	112.696.505	189.603.567
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	139.977.203
Chi phí sửa chữa tài sản cố định chờ phân bổ	75.104.500	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	37.592.005	49.626.364
b) Dài hạn	1.896.674.283	1.541.197.866
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	614.020.920	846.676.003
Chi phí sửa chữa tài sản cố định chờ phân bổ	1.282.653.363	694.521.863
Cộng	2.009.370.788	1.730.801.433

7. Phải trả người bán

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
Prominent (Europe) Ltd.	3.292.309.434	3.292.309.434	7.223.564.467	7.223.564.467
Lever Apparel Limited	2.987.395.154	2.987.395.154	-	-
Levertex Co Limited	2.936.011.039	2.936.011.039	3.742.338.305	3.742.338.305
Công ty CP Kết Nối Thời Trang	2.551.672.200	2.551.672.200	12.382.920	12.382.920
Công ty TNHH TM SX XNK Thiên Hải	871.708.200	871.708.200	-	-
Các đối tượng khác	4.123.406.950	4.123.406.950	10.964.727.182	10.964.727.182
Cộng	16.762.502.977	16.762.502.977	21.943.012.874	21.943.012.874

b) Phải trả người bán là các bên liên quan:

Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

8. Người mua trả tiền trước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn		
Prominent (Europe) Ltd.	4.107.153.735	-
Itochu Prominent Usa Llc	8.382.656.799	-
Công ty TNHH Ô Tô Ngôi Sao Việt Nam	370.299.600	-
Công ty CP Bạch Dương	495.422.400	-
Oktava Limited	-	159.369.048
Cộng	13.355.532.534	159.369.048

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2020
Phải nộp				
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	81.697.183	81.697.183	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	88.937.066	88.937.066	-
Thuế TNDN	2.706.024	11.795.071	14.501.095	-
Thuế TNCN	24.363.661	201.824.460	219.194.189	6.993.932
Các loại thuế khác (thuế môn bài)	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	5.393.184	5.393.184	-
Cộng	27.069.685	392.646.964	412.722.717	6.993.932

Các khoản thuế phải thu/phải nộp ngân sách Nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải thu/phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

10. Chi phí phải trả

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn		
Trích trước chi phí thuê quần Owen	3.400.000	-
Trích trước thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020	60.000.000	-
Cộng	63.400.000	-

11. Phải trả khác

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	977.988.764	287.893.791
Phải trả Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	-	400.003.144
Các khoản phải trả, phải nộp khác	683.706.147	379.274.955
Cộng	1.661.694.911	1.067.171.890
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	100.000.000	100.000.000
Cộng	100.000.000	100.000.000

c) Phải trả khác là các bên liên quan:

Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

12. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2020		Trong kỳ		31/12/2020
	VND	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn</i>					
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	21.257.342.519	21.257.342.519	32.348.294.229	38.222.690.812	15.382.945.936
Tổng cộng	21.257.342.519	21.257.342.519	32.348.294.229	38.222.690.812	15.382.945.936

Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn căn cứ theo Hợp đồng cấp tín dụng số 38461.20.201.150496TD ngày 07/08/2020 với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng: 25.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: cấp tín dụng phục vụ hoạt động sản xuất dệt may của khách hàng giai đoạn 2020-2021;
- Thời hạn của mỗi khoản tín dụng trong hạn mức: không vượt quá 5 tháng kể từ tiếp theo của ngày giải ngân đến hết ngày đáo hạn quy định tại khế ước nhận nợ, được quy định cụ thể trong khế ước nhận nợ;
- Lãi suất cho vay: theo từng khế ước nhận nợ;
- Tài sản dùng để đảm bảo bao gồm:
 - + Toàn bộ quyền đòi nợ hình thành từ hoạt động kinh doanh của Công ty.
 - + Toàn bộ quyền đòi nợ hình thành từ hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2020: 15.382.945.936 VND (trong đó số dư nợ gốc ngoại tệ là: 240.186,17 USD, tương đương 5.571.118.213 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

13. Vốn chủ sở hữu**13.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư ngày 01/01/2019	48.633.860.000	1.135.257.619	7.233.766.003	57.002.883.622
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	7.204.919.350	7.204.919.350
Chia cổ tức	-	-	(6.808.740.400)	(6.808.740.400)
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(720.491.935)	(720.491.935)
Số dư ngày 31/12/2019	48.633.860.000	1.135.257.619	6.909.453.018	56.678.570.637
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	(9.277.922.562)	(9.277.922.562)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2019 (*)	-	-	(5.836.063.200)	(5.836.063.200)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2019 (*)	-	-	(863.704.839)	(863.704.839)
Số dư ngày 31/12/2020	48.633.860.000	1.135.257.619	(9.068.237.583)	40.700.880.036

(*) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 107/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 05 năm 2020.

13.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	31.612.010.000	31.612.010.000
Các cổ đông khác	17.021.850.000	17.021.850.000
Cộng	48.633.860.000	48.633.860.000

13.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	48.633.860.000	48.633.860.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	48.633.860.000	48.633.860.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.836.063.200	6.808.740.400

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

13.4 Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.863.386	4.863.386
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	4.863.386	4.863.386
Cổ phiếu phổ thông	4.863.386	4.863.386
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.863.386	4.863.386
Cổ phiếu phổ thông	4.863.386	4.863.386
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		

13.5 Các quỹ của doanh nghiệp

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2020	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2020
Quỹ đầu tư phát triển	1.135.257.619	-	-	1.135.257.619
Cộng	1.135.257.619	-	-	1.135.257.619

14. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**a) Tài sản nhận giữ hộ:**

Chủ yếu gồm các loại sau:

	Đơn vị tính	31/12/2020	01/01/2020
Vải lót	mét	35.931,29	62.886,00
Nguyên liệu khác	mét	27.428,31	42.057,95

b) Ngoại tệ các loại:

	31/12/2020	01/01/2020
USD (tiền gửi ngân hàng)	255.544,58	87.280,65

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty TNHH May mặc S.M	6.308.051.602	6.308.051.602

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu		
Doanh thu hàng xuất khẩu	101.332.428.980	320.845.779.065
Doanh thu hàng kinh tế	40.979.134.698	23.350.579.960
Doanh thu dịch vụ khác	2.246.792.190	2.305.247.686
Cộng	144.558.355.868	346.501.606.711

b) **Doanh thu đối với các bên liên quan:**
Chi tiết tại trình bày tại thuyết minh số VIII.3

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Hàng bán bị trả lại	261.188.642	-
Cộng	261.188.642	-

3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn hàng xuất khẩu	91.343.884.668	298.719.015.756
Giá vốn hàng kinh tế	38.843.856.247	17.293.232.879
Giá vốn dịch vụ khác	688.048.389	173.822.736
Cộng	130.875.789.304	316.186.071.371

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi	2.260.304	4.438.655
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	6.770.425
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	757.329.986	1.927.458.931
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	8.935.417	86.520.043
Cộng	768.525.707	2.025.188.054

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5. Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền vay	690.799.343	1.037.274.292
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	192.595.280	900.028.640
Cộng	883.394.623	1.937.302.932

6. Thu nhập khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	105.099.278
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	-	10.000.000
Thu nhập từ công nợ lâu năm không phải trả	-	1.900.124.941
Tiền hỗ trợ nhận được từ Tổng Công ty 28	2.000.000.000	-
Thu nhập khác	6.333.492	258.103.819
Cộng	2.006.333.492	2.273.328.038

7. Chi phí khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Các khoản tiền phạt, chậm nộp	11.065.916	11.338.998
Chi phí đào tạo từ nguồn hỗ trợ của Tổng Công ty 28	2.000.000.000	-
Thuế TNDN bị truy thu theo QĐ số 5352/QĐ-CT ngày 21/12/2020	11.795.071	-
Cộng	2.022.860.987	11.338.998

8. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	2.924.130.903	1.365.175.434
Chi phí vật liệu, bao bì	42.676.600	7.259.679
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.211.638.249	707.347.970
Chi phí bằng tiền khác	669.816.054	650.567.785
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	19.643.773.170	22.294.084.881
Chi phí nhân viên quản lý	13.092.532.661	16.621.180.561
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.907.411.030	1.727.508.178
Chi phí khấu hao TSCĐ	151.620.528	174.051.777
Thuế, phí và lệ phí	221.140.351	490.020.840
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.194.820.181	776.168.767
Chi phí bằng tiền khác	3.076.248.419	2.505.154.758
Cộng	22.567.904.073	23.659.260.315

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	78.383.733.203	193.708.171.336
Chi phí nhân công	61.442.872.317	82.106.483.586
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.586.012.549	6.770.029.254
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.629.828.405	10.942.753.991
Chi phí bằng tiền khác	6.381.900.978	13.748.470.720
Cộng	171.424.347.452	307.275.908.887

10. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	(9.277.922.562)	9.006.149.187
Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	22.860.987	-
- Các khoản tiền phạt chậm nộp thuế	11.065.916	-
- Thuế TNDN bị truy thu theo QĐ số 5352/QĐ-CT ngày 21/12/2020	11.795.071	-
Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	-	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(9.255.061.575)	9.006.149.187
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định	-	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	(9.255.061.575)	9.006.149.187
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	1.801.229.837
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	1.801.229.837

11. Lãi/ (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi:

	Năm 2019		
	Số trước điều chỉnh	Điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
	VND	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	7.204.919.350	-	7.204.919.350
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	720.491.935	863.704.839	1.584.196.774
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.863.386	-	4.863.386
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.333		1.156

(*) Giá trị Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 là số liệu thực tế Công ty đã trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 107/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 05 năm 2020 của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng:**

	Năm 2020
	VND
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tiền gửi ngân hàng	(8.320.269)
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản phải thu khách hàng	(11.982.192)
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản phải trả người bán	18.429.500
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản vay	10.808.378

2. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	32.012.955.006	59.021.580.448
Cộng	32.012.955.006	59.021.580.448

3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	37.876.543.211	79.312.250.109
Cộng	37.876.543.211	79.312.250.109

VIII. Những thông tin khác**1. Cam kết thuê hoạt động**

Công ty ký thỏa thuận thuê số 01 về việc thanh toán tiền sử dụng đất tại số 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp với Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 để sử dụng với mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 2017. Diện tích khu đất thuê là 16.169,3 m². Theo thỏa thuận này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

3. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

a) Danh sách các bên liên quan:**Bên liên quan**

Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28
 Công ty CP Bình Phú
 Công ty CP 28 Đà Nẵng
 Trung tâm Kinh doanh Thời trang - Công ty TNHH MTV TCT 28
 Xí nghiệp May đo

Mối quan hệ

Công ty mẹ
 Thành viên liên kết với Công ty mẹ
 Cùng Công ty mẹ
 Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
 Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ

b) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Bán hàng		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	7.696.957.791	281.805.000
Công ty CP Bình Phú	575.704.135	1.699.733.942
Xí nghiệp May đo	3.080.000	93.794.029
Trung tâm Kinh doanh Thời trang - Công ty TNHH MTV TCT 28	12.607.140.000	3.055.300.000
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	4.523.623.029	22.024.364.657
Xí nghiệp May đo	606.735.742	281.856.671
Trung tâm Kinh doanh Thời trang - Công ty TNHH MTV TCT 28	46.365.908	1.279.345.282
Công ty CP 28 Đà Nẵng	3.902.400	-
Công ty CP Bình Phú	-	217.111.398
Tiền thuê đất		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	823.314.889	968.605.747
Chi cổ tức		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	3.793.441.200	4.109.561.300

c) Số dư với các bên liên quan

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải thu khác		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	409.658.077	331.098.695
- Phải thu Tổng Công ty 28	409.658.077	-
- Phải thu tiền chi hộ Tổng Cục Hậu cần	-	331.098.695
Phải trả người bán		
Công ty CP Bình Phú	136.611.781	-
Phải trả khác		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	-	400.003.144

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

d) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập của Giám đốc	388.534.629	421.200.000
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị	363.165.019	1.085.400.000
Cộng	751.699.648	1.506.600.000

4. Báo cáo bộ phận**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Do hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất, mua bán sản phẩm may mặc nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

	Xuất khẩu	Trong nước	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	101.332.428.980	43.225.926.888	144.558.355.868

5. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.12 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Công nợ tài chính

	31/12/2020
	VND
Các khoản vay	15.382.945.936
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	6.224.763.750
Nợ thuần	9.158.182.186
Vốn chủ sở hữu	40.700.880.036
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	22,50%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.224.763.750	2.666.338.252
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.844.559.891	25.098.314.828
Các khoản đầu tư tài chính	-	-
Cộng	20.069.323.641	27.764.653.080
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	15.382.945.936	21.257.342.519
Phải trả người bán và phải trả khác	18.524.197.888	23.110.184.764
Chi phí phải trả	63.400.000	-
Cộng	33.970.543.824	44.367.527.283

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công cụ nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	16.148.511.392	40.435.490.608	23.324.904.507	25.189.759.883

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	18.424.197.888	100.000.000	18.524.197.888
Chi phí phải trả	63.400.000	-	63.400.000
Các khoản vay	15.382.945.936	-	15.382.945.936
01/01/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	23.010.184.764	100.000.000	23.110.184.764
Chi phí phải trả	-	-	-
Các khoản vay	21.257.342.519	-	21.257.342.519

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.224.763.750	-	6.224.763.750
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.804.559.891	40.000.000	13.844.559.891
Các khoản đầu tư tài chính	-	-	-
01/01/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.666.338.252	-	2.666.338.252
Phải thu khách hàng và phải thu khác	25.058.314.828	40.000.000	25.098.314.828
Các khoản đầu tư tài chính	-	-	-

6. Thông tin so sánh


Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Giám đốc

Kế toán trưởng



Lê Mai Dung



Nguyễn Vĩnh Long

